

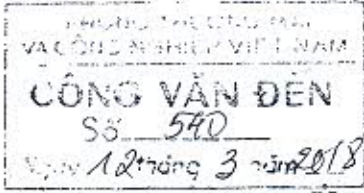
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1684/VP-ĐT

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2018

V/v đơn đốc trả lời kiến nghị của
Công ty cổ phần Ô tô khách Hà Tây.



Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Văn bản số 2046/VPCP-ĐMDN ngày 05/3/2018 về việc đơn đốc trả lời kiến nghị của Công ty cổ phần Ô tô khách Hà Tây liên quan đến việc xin thuê đất tại số 143 đường Trần Phú, quận Hà Đông (có văn bản kèm theo);

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố, Văn phòng UBND Thành phố đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố tại 338/UBND-ĐT ngày 24/01/2018./. *ms*

VP
HTKT
Vinh
12.3.18
TH
MT

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
 - PCT UBND TP Nguyễn Quốc Hùng;
(để báo cáo)
 - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
 - Công ty CP Ô tô khách Hà Tây
(143 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội);
 - CVP, PCVP Phạm Chí Công, ĐT;
 - Lưu: VT, ĐTđ.
- 1790 - 10

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

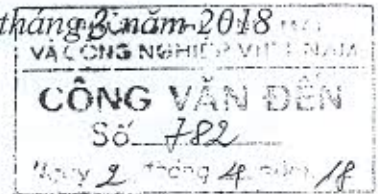


Phạm Chí Công

Số: 01 /BXD-PC

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

V/v hướng dẫn một số nội dung liên
quan đến cấp giấy phép xây dựng đối
với công trình quảng cáo



Kính gửi: Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam

Phong Nghi
2/4/18
TP
QH
Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 109/CV-HH ngày 22/12/2017, văn bản số 05/CV-HH ngày 19/01/2018 của Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam đề nghị hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng ý kiến như sau:

1. Về kiến nghị có hướng dẫn cụ thể trong việc phân cấp cấp phép xây dựng công trình quảng cáo:

Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng (Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện...) đã được quy định cụ thể tại Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 17 của Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. Theo đó, cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ theo loại, cấp công trình để xác định thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng cho phù hợp.

Cấp công trình quảng cáo được xác định theo quy mô kết cấu tại Phụ lục 2 của Thông tư 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, ví dụ: trường hợp công trình quảng cáo có kết cấu dạng cột, trụ, tháp thì được phân cấp theo điểm 2.2.1 mục 2.2 bảng 2 Phụ lục 2 của Thông tư 03/2016/TT-BXD; trường hợp công trình quảng cáo dạng khối xây gạch/ đá/ bê tông... thì được phân cấp theo điểm 2.14.2 mục 2.14 bảng 2 Phụ lục 2 của Thông tư 03/2016/TT-BXD...

Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho việc xác định thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng các công trình nói chung và công trình quảng cáo nói riêng, Bộ Xây dựng đã đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 theo hướng: làm rõ thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; đồng thời, quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiếp tục phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và một số cơ quan khác cấp giấy phép xây dựng thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan này.

2. Về kiến nghị sớm ban hành và hướng dẫn cụ thể cho các địa phương triển khai thực hiện Quy chuẩn Việt Nam (sửa đổi, bổ sung) về xây dựng, lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời:

Hiện nay, dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Phương tiện quảng cáo ngoài trời" (thay thế Quy chuẩn được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) đã được hoàn thiện, trình Lãnh đạo Bộ ban hành.

3. Về kiến nghị hướng dẫn địa phương cách giải quyết những công trình quảng cáo đã thực hiện theo Pháp lệnh Quảng cáo 2001:

Theo quy định tại khoản 17 Điều 3 của Luật Xây dựng năm 2014 thì “*giấy phép xây dựng là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình*”. Do vậy, đối với những công trình đã được cấp giấy phép và xây dựng theo Pháp lệnh Quảng cáo, Thông tư liên tịch số 06/2007/TT-BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28/02/2007 liên tịch giữa Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông, đến nay vẫn tồn tại nguyên trạng thì không yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng theo Luật Quảng cáo năm 2012 và Luật Xây dựng năm 2014.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng đối với những vướng mắc Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam, đề nghị Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận: *Hg*

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Quang Hùng (để b/c);
- Sở XD, Sở VH, TT&DL các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- VCCI;
- Lưu: VT, HỖXD, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VI TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ



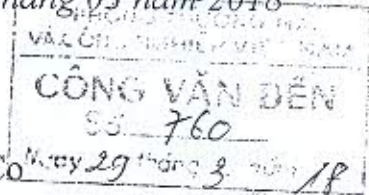
[Handwritten signature]

Tổng Thị Hạnh

Số: 2264/SHTT-PCCS

V/v trả lời kiến nghị của
Công ty TNHH Pha Ta Co

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Kính gửi: Công ty TNHH Pha Ta Co

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau về kiến nghị của quý Công ty tại Công văn số 01/CV-18 ngày 22/02/2018 gửi Thủ tướng Chính phủ:

1. Về thời hạn bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích và kiểu dáng công nghiệp

Hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung được hình thành nhằm khuyến khích sáng tạo: xã hội bồi hoàn và thưởng cho những người đã có sáng tạo mà họ công hiến cho xã hội tương ứng với những gì họ phải chi phí và mức độ hữu dụng của sự sáng tạo đó đối với xã hội. Phần thưởng tồn tại dưới dạng bảo vệ quyền tài sản của nhà sáng tạo trước những việc sử dụng trái phép của người khác, từ đó tạo điều kiện cho nhà sáng tạo có thể thu lợi từ các sáng tạo của mình.

Tuy nhiên, hệ thống bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan và hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) đối với sáng chế, giải pháp hữu ích và kiểu dáng công nghiệp khác nhau về bản chất. Đối tượng mà hệ thống quyền tác giả và quyền liên quan hướng đến là hình thức thể hiện thông tin trong khi hệ thống bảo hộ quyền SHCN hướng đến thông tin (nội dung). Đối với đối tượng quyền tác giả và quyền liên quan, xã hội bao gồm cả các nhà sáng tạo khác được phép sử dụng, khai thác thông tin trong các tác phẩm đó (do nội dung trong các tác phẩm là sự phản ánh những vấn đề của cuộc sống). Đồng thời, các đối tượng bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan có thể được sử dụng (hữu ích) lâu dài. Trái lại, quyền SHCN lại hạn chế quyền sử dụng thông tin trong các đối tượng được bảo hộ, do vậy, việc bảo hộ quyền cần phải đi đôi với việc bảo đảm sự cân bằng giữa nhu cầu của nhà sáng tạo trong việc kiểm soát việc khai thác thương mại thông tin mới của họ với nhu cầu của người sử dụng, bao gồm khách hàng, đối tác cạnh tranh tiềm năng để tiếp tục nghiên cứu để tạo ra sáng chế hoặc cải tiến dựa trên kết quả sáng tạo đó. Nói cách khác là hệ thống SHCN cần tìm được sự cân bằng giữa việc tạo ra và phổ biến kết quả sáng tạo để bảo đảm mục tiêu đầu tiên khi hình thành hệ thống là "thúc đẩy sáng tạo", đặc biệt là trong bối cảnh khoa học và công nghệ thay đổi và phát triển nhanh chóng như hiện nay (và cũng vì vậy vòng đời hữu dụng của các đối tượng này ngắn hơn vòng đời hữu dụng của các đối tượng quyền tác giả và quyền liên quan). Chính vì vậy, thời hạn bảo hộ quyền tác giả thường dài hơn rất nhiều so với thời hạn bảo hộ quyền SHCN.

Hơn nữa, thời hạn bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích và kiểu dáng công nghiệp (tương ứng là 20 năm, 10 năm, và 15 năm (5 năm và được gia hạn 2 lần mỗi lần 5 năm)) tính từ ngày nộp đơn theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ hiện nay phù hợp với chuẩn mực chung của thế giới (Hiệp định TRIPS/WTO) và tương



- HVAT
- VP
BKH
29.3.18

TV
MR

đồng với thời hạn bảo hộ của các nước trên thế giới. Thời hạn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp thậm chí còn cao hơn nhiều nước (Thái Lan, Ấn Độ, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân bảo hộ kiểu dáng công nghiệp với thời hạn 5 năm và được gia hạn thêm một lần 5 năm).

2. Về quy định thời hạn cấp văn bằng bảo hộ trong Luật Sở hữu trí tuệ

Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đã được quy định rõ ràng trong Luật Sở hữu trí tuệ.

Theo quy định tại Điều 119 Luật Sở hữu trí tuệ, các đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (bao gồm đơn đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích và kiểu dáng công nghiệp) được thẩm định hình thức trong thời hạn một tháng kể từ ngày nộp đơn và được thẩm định nội dung trong thời hạn sau đây:

- Đối với sáng chế/ giải pháp hữu ích không quá mười tám tháng, kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn;

- Đối với kiểu dáng công nghiệp không quá bảy tháng, kể từ ngày công bố đơn;

Trong đó, thời gian để người nộp đơn sửa đổi, bổ sung đơn không được tính vào các thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; thời hạn xử lý yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn không vượt quá một phần ba thời gian thẩm định tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn thẩm định đơn là từ ngày đơn được công bố hoặc thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ nhận được yêu cầu thẩm định nội dung (đối với đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích). Điều 110 Luật Sở hữu trí tuệ quy định đơn đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích được công bố trong tháng thứ mười chín kể từ ngày nộp đơn hoặc từ ngày ưu tiên đối với đơn được hưởng quyền ưu tiên hoặc vào thời điểm sớm hơn theo yêu cầu của người nộp đơn và đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trong thời hạn hai tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận là đơn hợp lệ.

Với các quy định trên đây, trong trường hợp đơn hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về hình thức và nội dung (không phải sửa chữa, không cần trao đổi giữa thẩm định viên với người nộp đơn), thì thời gian thẩm định đơn trung bình đối với đơn sáng chế là khoảng 36 tháng và đối với đơn kiểu dáng công nghiệp là 10 tháng.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây khối lượng đơn cần phải xử lý và những công việc khác liên quan đến việc xây dựng và phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ tăng đột biến cả về số lượng lẫn độ phức tạp (ví dụ, số lượng đơn đăng ký sáng chế trong giai đoạn 1996-2005 chỉ là 12.783, nhưng trong giai đoạn 2006-2015 số đơn này lên đến 35.993), trong khi điều kiện về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là chỗ làm việc và hạ tầng về công nghệ thông tin (máy móc thiết bị, cơ sở dữ liệu, phần mềm tra cứu phục vụ thẩm định đơn) còn hạn chế nên việc xử lý đơn không đảm bảo được theo thời hạn quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ. Việc

này gây không ít bức xúc trong cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, Cục Sở hữu trí tuệ đã nỗ lực hết mình như huy động cán bộ làm công tác thẩm định thêm ngoài giờ, hợp tác với các cơ quan sở hữu trí tuệ nước ngoài trong đào tạo thẩm định viên và chia sẻ, trao đổi kết quả thẩm định.

3. Về việc thực hiện các biện pháp để đẩy nhanh công tác xử lý đơn

Trong thời gian tới, Cục Sở hữu trí tuệ đã xác định cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp sau để cải thiện tốc độ và chất lượng xử lý đơn sở hữu công nghiệp:

(i) Về cơ sở pháp luật

- Triển khai công tác rà soát, hợp nhất văn bản và pháp điển hóa hệ thống văn bản pháp luật về SHTT, kịp thời đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản, khắc phục những khiếm khuyết của hệ thống pháp luật hiện hành; hoàn thiện hệ thống pháp chế và chính sách quốc gia về bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam để đáp ứng được yêu cầu thực tế và ngày càng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế;

- Rà soát để tiến hành sửa đổi Quy chế thẩm định đơn đăng ký SHCN, nghiên cứu ban hành bổ sung các văn bản nhằm bảo đảm tính thống nhất, chuẩn mực trong công tác thẩm định đơn;

- Tổng hợp, biên soạn và phát hành cẩm nang thẩm định đơn SHCN, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn việc cho phép áp dụng tiền lệ để bảo đảm tính thống nhất trong các kết luận thẩm định đơn;

- Xây dựng quy chế và thành lập bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ công tác thẩm định đơn SHCN.

(ii) Về nguồn nhân lực

- Bố trí đủ nguồn nhân lực để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Cục;

- Sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực hiện có và nguồn nhân lực tuyển dụng mới.

(iii) Về hợp tác quốc tế

- Chủ động tham gia các cơ chế quốc tế về chia sẻ công việc để giảm gánh nặng thẩm định đơn như Chương trình ASPEC, WIPO CASE, PPH, Global Dossier System, v.v.;

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực của hệ thống SHTT quốc gia và công tác chuyên môn, đặc biệt tập trung vào việc đào tạo đội ngũ thẩm định viên.

(iv) Về phát triển cơ sở hạ tầng

- Tăng cường hệ thống thông tin và công nghệ thông tin sở hữu công nghiệp thông qua việc: Hoàn thiện căn bản hệ thống quản trị đơn SHCN đảm bảo việc thẩm định đơn đăng ký SHCN nhanh chóng và chính xác, đồng thời lấy đó làm cơ sở cho việc phát triển hệ thống thông tin SHCN; Hoàn thành việc nâng cấp, mở



